

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TN&MT
ꣳꣳꣳ

**BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐÁNH GIÁ, DIỄN BIẾN CHẤT
LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH
PHƯỚC VÀ SỐ LIỆU CÁC TRẠM QUAN TRẮC TỰ
ĐỘNG NƯỚC MẶT, KHÔNG KHÍ NĂM 2023**

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Đức Cửu

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐÁNH GIÁ, DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VÀ SỐ LIỆU CÁC TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG NƯỚC MẶT, KHÔNG KHÍ NĂM 2023

Thực hiện Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Phê duyệt mạng lưới Quan trắc môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng năm 2030; Công văn số 337/STNMT-CCBVMT ngày 21/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai công tác quan trắc môi trường và vận hành các trạm quan trắc nước mặt, không khí tự động năm 2023. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. Các chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Trong năm 2023, do nguyên nhân khách quan trong giải quyết khó khăn về tài chính còn tồn tại năm 2022 cũng như kế hoạch đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước năm 2023, nên việc thực hiện nhiệm vụ các Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023 bị tạm ngưng gián đoạn. Do đó, kết quả hoàn thành nhiệm vụ quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023 đạt 5/6 đợt, nước dưới đất 4/4 đợt, đất 2/2 đợt.

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã triển khai thực hiện xong nhiệm vụ quan trắc môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

- Môi trường không khí 71 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 5 đợt/năm.
- Môi trường nước mặt 81 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 5 đợt/năm.
- Môi trường nước dưới đất 106 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 4 đợt/năm.
- Môi trường đất 88 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 2 đợt/năm.

1. Môi trường không khí

- Tổng số vị trí được thực hiện quan trắc môi trường không khí 71 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 5 đợt/năm, bao gồm các thông số: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, áp suất, độ ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

❖ Các yếu tố khí tượng: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, áp suất

- **Nhiệt độ:** căn cứ các kết quả đo đạc quan trắc môi trường không khí cho thấy trong suốt thời gian quan trắc năm 2023 ở cả 5 đợt, nhiệt độ đo được tại các huyện, thị xã, thành phố có nền nhiệt độ cao và ổn định từ 27,7°C – 34,3°C. Nhiệt độ đo được tại các điểm quan trắc giữa các đợt chênh lệch không nhiều.

- **Độ ẩm:** hầu hết các điểm quan trắc tại các huyện, thị xã, thành phố có độ ẩm đo được lớn, thời điểm quan trắc đợt 1, 2, 3 có độ ẩm đo được thấp hơn đợt 4, 5, nguyên

nhân do thời điểm quan trắc đợt 1, 2, 3 là vào đầu mùa mưa, còn thời điểm quan trắc đợt 4, 5 là cuối mùa mưa đầu mùa nắng. Đây là đặc trưng của môi trường khí hậu nóng ẩm của vùng Đông Nam Bộ vào gian này (đầu mùa mưa, đầu mùa nắng).

- **Tốc độ gió:** qua kết quả quan trắc trong năm 2023 thì hầu hết tốc độ gió đo được tại huyện, thị xã, thành phố không ổn định, tuy nhiên có tốc độ không lớn dao động từ 0,4 – 1,3 m/s.

- **Áp suất:** nhìn chung mức áp suất đo được trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh ở mức cao, thấp nhất là 962,7 hPa tại vị trí KK.59: trong rừng đặc dụng Bù Gia Mập và cao nhất là 999,7 hPa tại vị trí KK.02: Đường ĐT741, Trung tâm hành chính TP.Đồng Xoài. Áp suất đo được cả 05 đợt quan trắc chênh lệch nhau không nhiều, tương đối gần bằng nhau.

❖ **Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí (bụi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S, tiếng ồn)**

- **Thông số bụi:** căn cứ các kết quả đo đạc quan trắc môi trường cho thấy tại thời điểm quan trắc các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh có nồng độ bụi tương đối thấp dao động từ 24,6 – 194,4 µg/Nm³. Tất cả các vị trí quan trắc trên địa bàn tỉnh đều có nồng độ bụi nằm trong giá trị cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Do sự phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh không đồng đều, hệ thống giao thông phát triển nhưng dân cư lại thưa thớt, chỉ tập trung đông tại các khu vực trung tâm của xã, phường, nơi có đường giao thông thuận tiện, các nhà máy sản xuất công nghiệp ít và nằm rải rác tại các khu vực cách xa khu dân cư nên nguồn phát sinh bụi không nhiều. Nhìn chung, môi trường không khí trên địa bàn tỉnh chưa bị ô nhiễm bởi bụi.

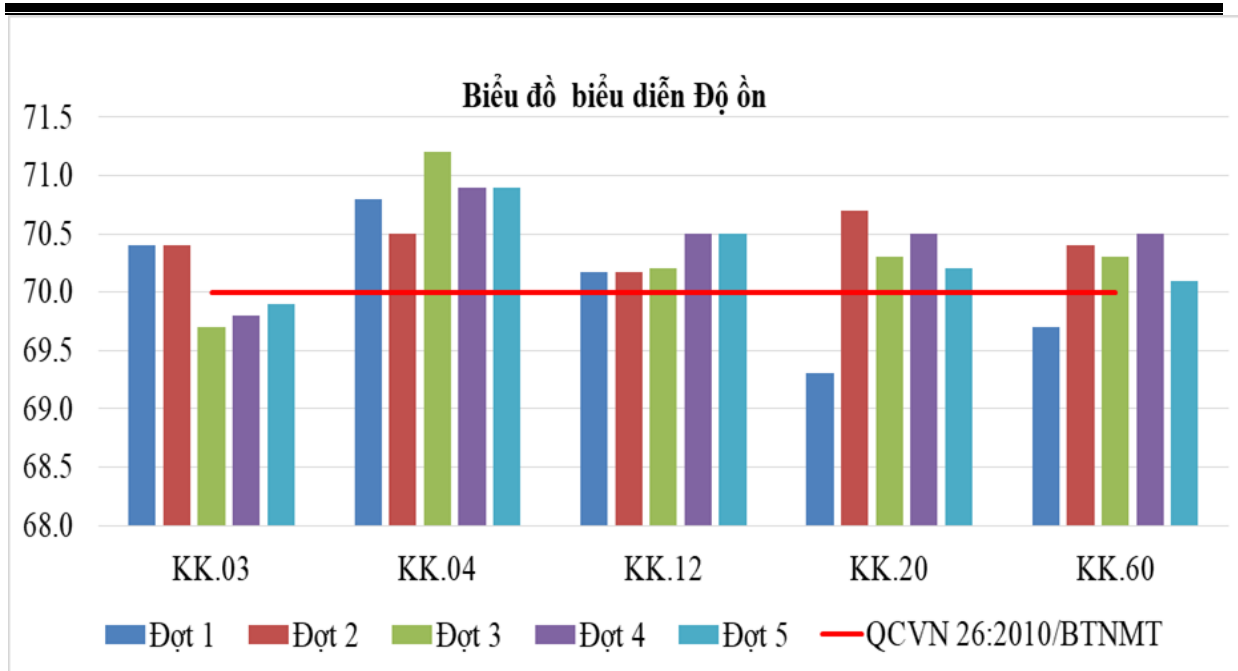
Một số vị trí quan trắc có nồng độ bụi cao trong năm 2023 như sau: KK.03 - Siêu thị Coopmart Đồng Xoài, đường Phú Riềng Đỏ là 187,9 µg/Nm³; KK.04 - Ngã tư TP. Đồng Xoài là 175,5 µg/Nm³; KK.20 - Ngã tư Chợ Thành, thị trấn Chợ Thành là 194,4 µg/Nm³; KK.39 - Đường Trần Hưng Đạo, trung tâm phường Phú Thịnh, Thị xã Bình Long là 150,4 µg/Nm³; KK.60 - Trung tâm thương mại Phước Bình, phường Long Phước, Thị xã Phước Long là 190,9 µg/Nm³.

So với kết quả quan trắc năm 2022, năm 2023 tại các vị trí quan trắc bụi ít có sự thay đổi, tất cả các điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- **Thông số SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S:** tất cả các vị trí quan trắc đều có nồng độ SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S, nhỏ hơn giá trị cho phép trong QCVN 05:2023/BTNMT. Thông số SO₂ dao động từ 10 – 63 µg/Nm³; NO₂ dao động từ 8 – 57 µg/Nm³; CO dao động từ 2.810 – 8.521 µg/Nm³; NH₃ dao động từ KPH (MDL = 4) – 169 µg/Nm³; H₂S dao động từ KPH (MDL = 4) – 41 µg/Nm³. Nguồn tác động đến môi trường không khí chủ yếu là từ hoạt động của các cơ sở, nhà máy sản xuất công nghiệp và các phương tiện giao thông. Khí NH₃ và H₂S nguồn phát thải chủ yếu từ các bãi rác, hoạt động của các khu chợ và sinh hoạt của người dân.

So với kết quả quan trắc năm 2022, năm 2023 tại các vị trí quan trắc khí SO₂, NO₂, CO, NH₃ và H₂S ít có sự thay đổi, đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

- **Thông số tiếng ồn:**



Hầu hết các huyện, thị xã của tỉnh đều chưa bị tiếng ồn gây ô nhiễm, ngoại trừ một số khu vực tập trung đông dân cư, xe cộ qua lại nhiều của thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành có độ ồn đo được cao, xấp xỉ bằng và một số điểm vượt mức giới hạn của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (**khu vực thông thường: 70 dBA**). Có 5/71 điểm quan trắc có giá trị độ ồn vượt mức giới hạn của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Các khu vực có giá trị độ ồn cao chủ yếu nằm trên tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, các khu trung tâm, chợ, các nút giao thông có lượng xe lưu thông đông, đặc biệt là xe có tải trọng lớn, xe khách. Do đó, cần có biện pháp để hạn chế tiếng ồn từ hoạt động giao thông và buôn bán, đặc biệt là tại các khu vực này. Các điểm vượt cụ thể như sau:

- KK.03: Siêu thị Coopmart Đồng Xoài, đường Phú Riềng Đỏ có độ ồn cao hơn so với Quy chuẩn cho phép từ 0,4 dBA.

- KK.04: Ngã tư Đồng Xoài, Thành phố Đồng Xoài có độ ồn cao hơn so với quy chuẩn cho phép từ 0,5 – 1,2 dBA.

- KK.12: QL14, cầu 2, xã Đồng Tiến có độ ồn cao hơn so với quy chuẩn cho phép từ 0,2 – 0,5 dBA

- KK. 20: Ngã tư Chơn thành. Thị xã Chơn Thành có độ ồn vượt quy Quy chuẩn cho phép 0,2 – 0,7 dBA.

- KK.60: Trung tâm thương mại Phước Bình, phường Long Phước có độ ồn vượt so với quy chuẩn cho phép từ 0,1 – 0,5 dBA.

So với kết quả quan trắc năm 2022 với 8/71 điểm quan trắc có giá trị độ ồn vượt mức giới hạn của QCVN 26:2010/BTNMT, thì năm 2023 số điểm tiếng ồn ở mức trung bình (LAeq) quan trắc được có giá trị vượt QCVN 26:2010/BTNMT là 5/71 giảm 3 điểm. Như vậy, môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bình Phước chủ yếu bị

tác động bởi tiếng ồn. Điều này cho thấy số lượng các loại phương tiện tham gia giao thông cũng như mật độ lưu thông trên các tuyến đường chính và khu vực đô thị ảnh hưởng đến mức độ ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho thấy chất lượng các thành phần trong môi trường không khí tương đối tốt. Tất cả các vị trí quan trắc đều có nồng độ SO_2 , NO_2 , CO , NH_3 , H_2S , nhỏ hơn giá trị cho phép trong QCVN 05:2023/BTNMT. Đối với môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bình Phước ở một số khu vực Đô thị tập trung đông dân cư, xe cộ qua lại nhiều chủ yếu bị ảnh hưởng của tiếng ồn ở mức thấp. Điều này cho thấy số lượng các loại phương tiện tham gia giao thông cũng như mật độ lưu thông trên các tuyến đường chính và khu vực Đô thị ảnh hưởng đến mức độ ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu trên địa bàn tỉnh.

Trong quan trắc các đợt tiếp theo, tiếp tục theo dõi diễn biến các thông số đặc trưng cho chất lượng môi trường không khí để có kết luận chính xác nhằm kiểm soát kịp thời các nguồn ô nhiễm và đề ra các biện pháp xử lý giảm thiểu tác động đến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Môi trường nước mặt

- Tổng số vị trí được thực hiện quan trắc môi trường nước mặt năm 2023 là 81 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 5 đợt/năm, bao gồm các thông số: nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD, BOD_5 , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} , N-NO_3^- , N-NO_2^- , As, Cd, Pb, Zn, Fe (sắt tổng), Coliform, TOC, hoá chất bảo vệ thực vật gốc clo.

Theo kết quả tính toán chỉ số WQI tại 81 điểm quan trắc thuộc 05 lưu vực sông chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong 5 đợt quan trắc năm 2023 như sau:

Chất lượng nước	Khoảng giá trị WQI	Số điểm quan trắc	Phù hợp với mục đích sử dụng
Rất tốt	91 - 100	39	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt
Tốt	76 - 90	26	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
Trung bình	51 - 75	13	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
Kém	26 - 50	3	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác

Chất lượng nước	Khoảng giá trị WQI	Số điểm quan trắc	Phù hợp với mục đích sử dụng
Ô nhiễm nặng	10 - 25	0	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
Ô nhiễm rất nặng	< 10	0	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý
Tổng		81	

Các thông số của 81 điểm điểm quan trắc được so sánh với Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người tại QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt với số lượng mẫu đạt như sau: Thông số N-NH_4^+ có 306/405 mẫu (chiếm 75,6%); Thông số Nitrit có 336/405 mẫu (chiếm 83%); Thông số As có 405/405 mẫu (chiếm 100%); Thông số Pb có 405/405 mẫu (chiếm 100%); Thông số Zn có 405/405 mẫu (chiếm 100%); Thông số Cd có 404/405 mẫu (chiếm 99,8%); Thông số Fe có 271/405 mẫu (chiếm 66,9%).

Tổng số vị trí được thực hiện quan trắc là 81 điểm, trong đó **54 điểm** quan trắc được so sánh với Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước và **27 điểm** quan trắc được so sánh với Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Qua 5 đợt lấy mẫu tại **81 điểm** quan trắc nước mặt tại các sông, suối với **405 mẫu**. Kết quả đo đạc và phân tích các thông số pH, BOD, COD, TOC, DO, Tổng Coliform được so sánh với Bảng 2 và 3 phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước của quy chuẩn QCVN 08:2023 /BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt như sau:

- Các thông số của 81 điểm thuộc mức phân loại chất lượng loại A của QCVN 08:2023/BTNMT gồm: pH có 405/405 mẫu, DO có 0/405 mẫu, COD 127/405 mẫu, BOD₅ có 52/405 mẫu, TOC có 01/405 mẫu, Coliform có 202/405 mẫu.

- Các thông số của 81 điểm thuộc mức phân loại chất lượng loại B của QCVN 08:2023/BTNMT gồm: pH có 0/405 mẫu, DO có 206/405 mẫu; COD 175/405 mẫu, BOD₅ có 131/405 mẫu, TOC có 09/405 mẫu, Coliform có 127/405 mẫu.

- Các thông số của 81 điểm thuộc mức phân loại chất lượng loại C của QCVN 08:2023/BTNMT gồm: pH có 0/405 mẫu, DO có 186/405 mẫu, COD có 64/405 mẫu, BOD₅ có 177/405 mẫu, TOC có 62/405 mẫu, Coliform có 18/405 mẫu.

- Các thông số của 81 điểm thuộc mức phân loại chất lượng loại D của QCVN 08:2023/BTNMT gồm: pH có 0/405 mẫu, DO có 39/405 mẫu, COD có 29/405 mẫu, BOD₅ có 45/405 mẫu, TOC có 333/405 mẫu, Coliform có 58/405 mẫu.

-Thông số TSS

Qua 5 đợt lấy mẫu tại **54 điểm** quan trắc nước mặt tại các sông, suối với 270 mẫu. Kết quả đo đạc và phân tích thông số TSS được so sánh với Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước của quy chuẩn QCVN 08:2023 /BTNMT như sau:

Thông số	Số lượng	Mức phân loại chất lượng nước
TSS		
≤ 25	220/270	A
≤ 100	44/270	B
≤ 100 và không có rác nổi	02/270	C
> 100 và có rác nổi	04/270	D

Qua 5 đợt lấy mẫu tại **27 điểm** quan trắc nước mặt tại các ao, hồ, đầm với 135 mẫu. Kết quả đo đạc và phân tích thông số TSS được so sánh với Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước của quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt như sau:

Thông số	Số lượng	Mức phân loại chất lượng nước
TSS		
≤ 5	6/135	A
≤ 15	91/135	B
≤ 15 và không có rác nổi	38/135	C
> 15 và có rác nổi	00/135	D

Ghi chú:

Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Nhận xét: Một số suối là nguồn tiếp nhận nước thải từ các Khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất công nghiệp, trại heo có các thông số như Amoni, COD, BOD, Nitrit, Coliform vượt QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, nguyên nhân đây là nơi tiếp nhận nước thải từ các nguồn thải có quy mô lớn và vào mùa khô lưu lượng nước chảy qua các suối này tương đối thấp, dẫn đến khả năng tự làm sạch kém, đồng thời khu vực có nhiều cây cối, thực vật thủy sinh dẫn đến dòng chảy của các suối bị hạn chế. **Cụ thể:** Điểm quan trắc SSB23 (Suối Tiên, phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành) đây là suối tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc; SSB14: Suối con chảy qua nhà máy chế biến cao su Thuận Lợi, huyện Đồng Phú là khu vực gần hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Lợi; Điểm SSB29 (Suối Bưng Rục, phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành) là suối tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III; SSB40 (Suối Bàu Chu, huyện Đồng Phú) đây là suối tiếp nhận nước thải của KCN Nam Đồng Phú).

Ngoài ra, một số suối đi qua các trung tâm thị trấn, thị xã, thành phố như suối Đồng Tiên, cầu Tham Rót, Suối chợ,... kết quả hàng năm thường có các thông số Amoni, Photphas, COD, BOD,... vượt QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, nguyên nhân vào mùa khô lưu lượng nước chảy qua các suối này tương đối thấp, dẫn đến khả năng tự làm sạch kém, đồng thời gần khu vực chợ, khu vực đông dân cư, thải rác sinh hoạt và nguồn nước sinh hoạt thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận.

3. Môi trường nước dưới đất

Tổng số vị trí được thực hiện quan trắc môi trường nước dưới đất là 106 điểm quan trắc, tần suất quan trắc 4 đợt/năm, tổng số mẫu được đo đạc và phân tích là 424 mẫu/năm. Bao gồm các thông số: Nhiệt độ, pH, chất rắn hoà tan (TDS), độ đục, độ cứng, chỉ số Pemanganat, Amonia (N-NH_4^+), Nitrit (N-NO_2^-), Nitrat (N-NO_3^-), Clorua (Cl^-), Sắt tổng (Fe), Asen (As), Chì (Pb), Coliform.

Kết quả đo đạc và phân tích 14 thông số cho thấy chất lượng môi trường nước dưới đất 4 đợt năm 2023 tại 106 điểm quan trắc với 424 mẫu có thể ghi nhận hiện trạng chất lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước khá tốt, các chỉ tiêu nằm ngoài giới hạn QCVN 09:2023/BTNMT - BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất chủ yếu thông số pH, Nitrat, Nitrit, Chì và QCVN 01-1:2018/BYT - BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với thông số độ đục. Cụ thể các thông số không đạt quy chuẩn:

+ Thông số pH 110/424 mẫu không đạt QCVN 09:2023/BTNMT (5,8-8,5), các khu vực có giá trị pH nằm ngoài Quy chuẩn vẫn tập trung nhiều tại các huyện như Đồng Phú (21 mẫu), Hớn Quản (24 mẫu), thị xã Chơn Thành (28 mẫu).

+ Thông số Độ đục 30/424 mẫu không đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT (2 NTU) các điểm vượt giới hạn cho phép quy chuẩn trong khoảng 1,02 – 5,67 lần, tập trung nhiều tại Thành phố Đồng Xoài (7 mẫu), Thị xã Chơn Thành (4 mẫu), Thị xã Phước Long (12 mẫu), huyện Bù Đăng (5 mẫu).

+ Thông số Nitrit (N-NO_2^-) có 02/424 mẫu quan trắc vượt giới hạn cho phép 1,29 -2,49 lần tập trung chủ yếu ở huyện Lộc Ninh (02 mẫu).

+ Thông số Nitrat (N-NO_3^-) 17/424 mẫu vượt giới hạn cho phép khoảng 1,04 - 2,29 lần tập trung chủ yếu tại Thành phố Đồng Xoài (2 mẫu), huyện Đồng Phú (4 mẫu), thị xã Chơn Thành (1 mẫu), huyện Hớn Quản (01 mẫu), thị xã Bình Long (4 mẫu), thị xã Phước Long (5 mẫu).

+ Thông số Chì (Pb) có 01/424 mẫu quan trắc vượt giới hạn cho phép 2,48 lần tại điểm quan trắc NN.CT.34 - Giếng đào hộ Thái Thần Tân, ấp 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành đợt 2/2023 (0,0248 mg/l), cao hơn quy chuẩn cho phép 2,48 lần. Tăng mạnh so với đợt 2/2022 có kết quả không phát hiện.

+ Các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT như: chất rắn hòa tan (TDS), Độ Cứng, Amoni (N-NH_4^+), Chỉ số Pemanganat, Clorua, Tổng Coliform, các kim loại nặng (Fe, As) đều nằm ở hàm lượng thấp, hầu như đa phần giá trị không phát hiện. Như vậy, nước dưới đất ở đây chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi các kim loại nặng (Fe, As), chỉ số Pemanganat, TDS, độ cứng, Amoni, Clorua, tổng Coliform.

Nhận xét: So với năm 2022 thì kết quả quan trắc năm 2023 có các thông số đặc trưng như pH, Độ đục, Nitrat, Nitrit, Chì có sự thay đổi như sau: Thông số pH năm 2022 có 102/424 mẫu vượt quy chuẩn (chiếm 24,06 %) thì năm 2023 có 110/424 mẫu (chiếm 25,94 %) tăng nhẹ so với năm 2022 do áp dụng quy chuẩn QCVN 09:2023/BTNMT thay thế QCVN 09-MT:2015/BTNMT, giá trị cho phép của pH thu hẹp lại từ 5,5 - 8,5 thành 5,8 - 8,5; thông số Độ đục năm 2022 có 54/424 mẫu vượt quy chuẩn (chiếm 12,74 %) thì năm 2023 có 30/424 mẫu (chiếm 7,08 %) giảm so với năm 2022; thông số Nitrat năm 2022 có 14/424 mẫu vượt quy chuẩn (chiếm 3,3 %) thì năm 2023 có 17/424 mẫu (chiếm 4,01%) tăng so với năm 2022. Thông số Nitrit trong năm 2023 có 2/424 mẫu vượt quy chuẩn (chiếm 0,47%) tăng nhẹ so với năm 2022 tất cả

các mẫu đều đạt giới hạn cho phép. Thông số Chì năm 2023 có 1/424 mẫu (chiếm 0,24%) vượt quy chuẩn tăng 01 mẫu so với năm 2022 tất cả các mẫu đều đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn. Bên cạnh các thông số tăng số lượng mẫu vượt quy chuẩn so với năm 2022 thì một số thông số như Độ Cứng và Amoni tất cả các mẫu đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 09:2023/BTNMT, giảm số mẫu vượt quy chuẩn so với năm 2022 (Độ cứng có 02/424 mẫu, Amoni có 4/424 mẫu vượt giới hạn cho phép) như vậy cho thấy chất lượng nước đã được cải thiện.

4. Môi trường đất

Tổng số vị trí được thực hiện quan trắc môi trường môi trường đất là 88 điểm quan trắc. Tần suất quan trắc 2 đợt/năm, tổng số mẫu được lấy và phân tích là 176 mẫu/năm. Bao gồm các thông số: Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo (α -BHC, β -BHC, γ -BHC, δ -BHC, Heptachlor, Aldrin, Heptachlor epoxide, Chlordane-trans, Endosulfan I, Chlordane-cis, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, Endosulfan II, 4,4'-DDD, Endosulfan sulfate và 4,4'-DDT, hóa chất BVTV gốc Phosphor (O,O,O-Triethyl-Phosphorothioate, Thionazin, Sulfotep, Phorate, Disulfoton, Parathion-methyl, Parathion, Famphur).

Kết quả phân tích được so sánh với QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

➤ *Chất lượng môi trường đất trong khu vực hoạt động thương mại, dịch vụ (22 điểm quan trắc):*

+ Theo kết quả phân tích thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor tại 22/22 vị trí quan trắc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 2).

So với kết quả quan trắc năm 2022, tại các vị trí quan trắc đất thương mại, dịch vụ thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor ít có sự thay đổi và đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 2).

➤ *Chất lượng môi trường đất trong khu vực hoạt động lâm nghiệp (09 điểm quan trắc):*

+ Theo kết quả phân tích thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor tại 09/09 vị trí quan trắc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 2).

So với kết quả quan trắc năm 2022, tại các vị trí quan trắc đất lâm nghiệp thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor ít có sự thay đổi và đều có kết quả

nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 2).

➤ *Chất lượng môi trường đất trong khu vực hoạt động công nghiệp (12 điểm quan trắc):*

+ Theo kết quả phân tích thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor tại 12/12 vị trí quan trắc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 3).

So với kết quả quan trắc năm 2022, tại các vị trí quan trắc đất công nghiệp thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor ít có sự thay đổi và đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 3).

➤ *Chất lượng môi trường đất trong khu vực hoạt động nông nghiệp (24 điểm quan trắc):*

+ Theo kết quả phân tích thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor tại 24/24 vị trí quan trắc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1).

So với kết quả quan trắc năm 2022, tại các vị trí quan trắc đất nông nghiệp thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor ít có sự thay đổi và đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1).

➤ *Chất lượng môi trường đất trong khu vực hoạt động dân sinh (21 điểm quan trắc):*

+ Theo kết quả phân tích thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor tại 21/21 vị trí quan trắc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1).

So với kết quả quan trắc năm 2022, tại các vị trí quan trắc đất dân sinh thì hàm lượng Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), tổng Crom (Cr), hóa chất BVTV gốc Clo, hóa chất BVTV gốc Phosphor ít có sự thay đổi và đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1).

II. Báo cáo số liệu về trạm quan trắc môi trường tự động nước mặt, không khí.

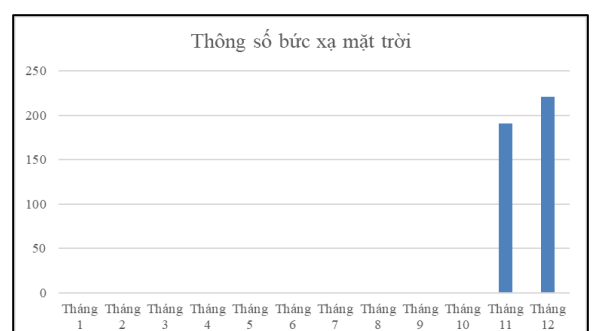
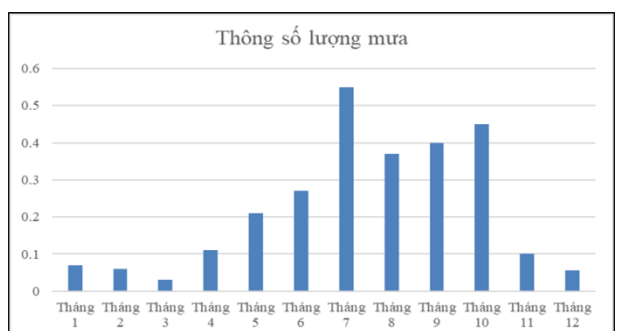
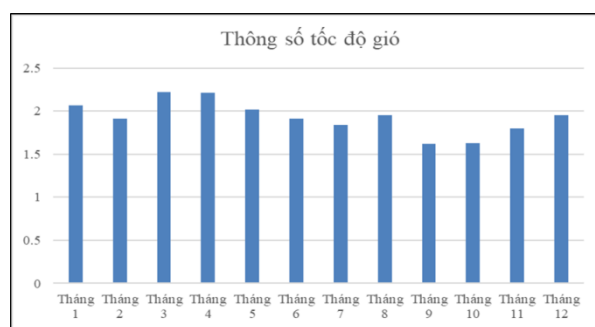
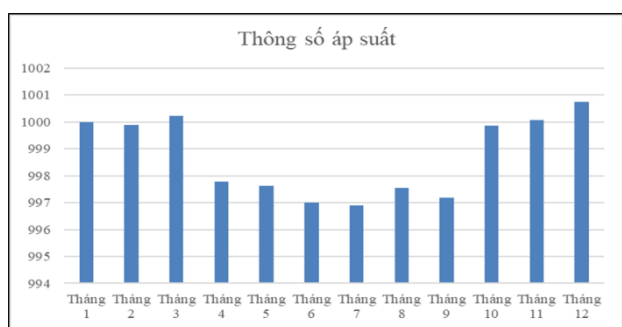
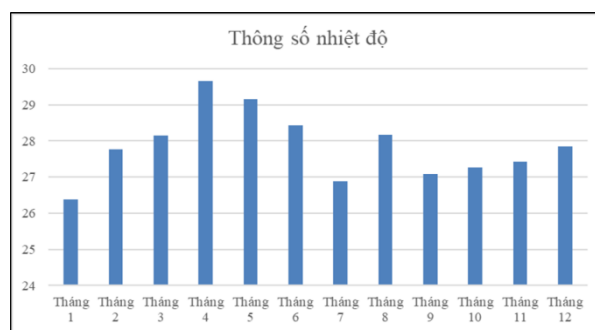
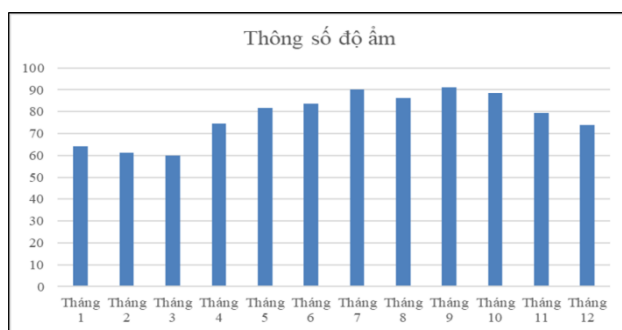
1. Trạm quan trắc tự động môi trường không khí

a. Trạm quan trắc tự động môi trường không khí khu vực huyện Đồng Phú

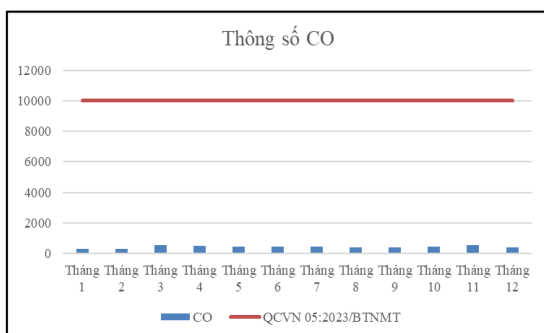
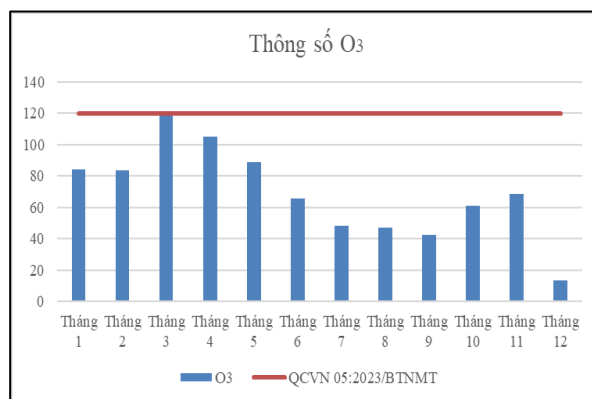
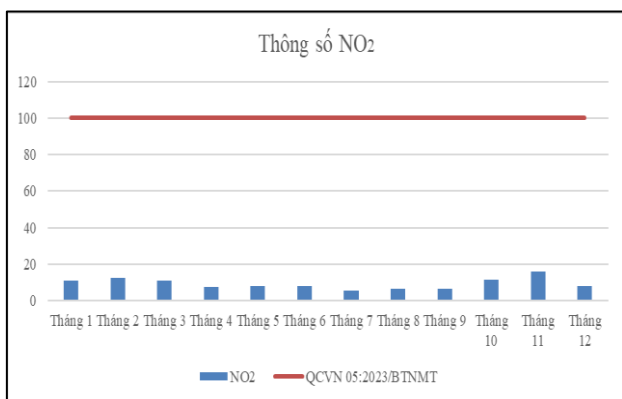
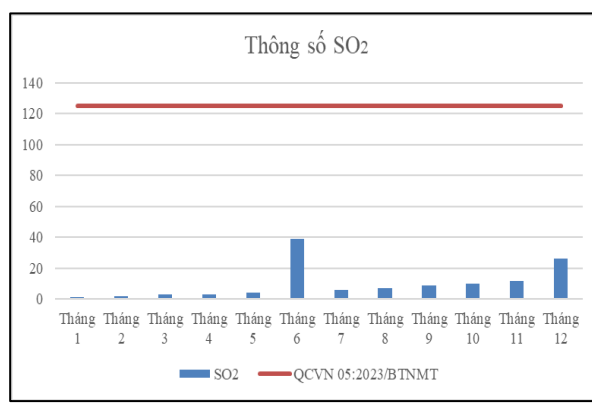
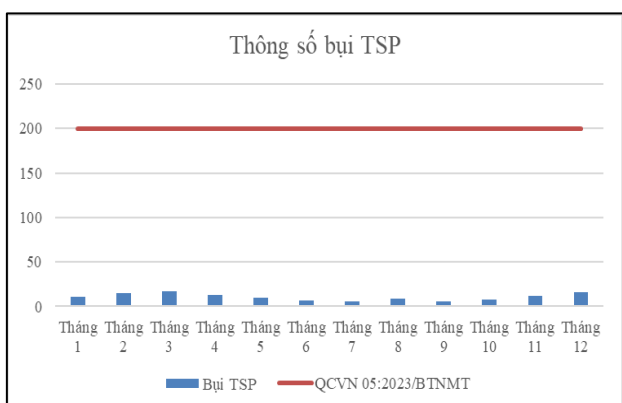
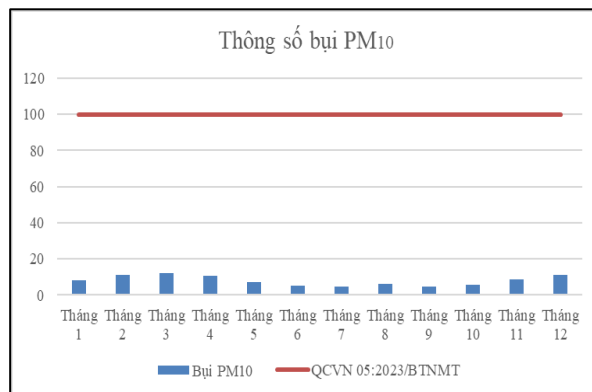
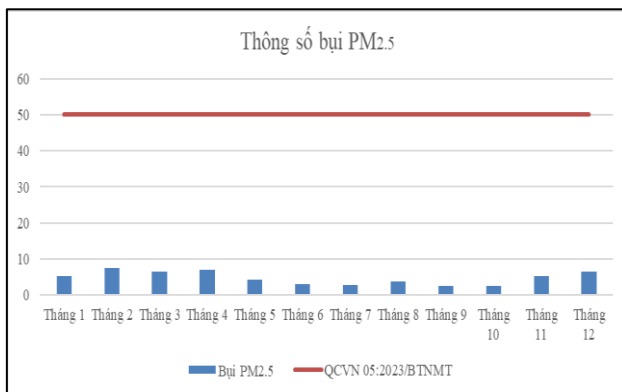
Vị trí đặt trạm quan trắc tự động không khí xung quanh khu vực huyện Đồng Phú đặt tại UBND thị trấn Tân Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Kết quả quan trắc môi trường không khí tự động khu vực huyện Đồng Phú năm 2023 như sau: Độ ẩm: dao động từ 59,87 – 91,07 %rH, nhiệt độ: 26,6 – 29,34 °C, áp suất: 996,9 – 1000,8 hPa, lượng mưa: 0,03 – 0,55mm, bức xạ mặt trời: 191,04 – 221,10 W/m² (số liệu từ tháng 11 đến tháng 12), tốc độ gió: 1,62 – 2,22 km/h, hướng gió chính là hướng Đông và Đông Nam, bụi PM_{2.5}: 2,53 – 7,44 µg/Nm³, bụi PM₁₀: 4,47 – 11,94 µg/Nm³, bụi TSP: 5,91 – 16,74 µg/Nm³, SO₂: 1,2 – 38,73 µg/Nm³, NO₂: 5,29 – 16,07 µg/Nm³, O₃: 13,26 – 119,64 µg/Nm³, CO: 278,83 – 558,11 µg/Nm³. Riêng thông số bức xạ mặt trời từ tháng 1 đến tháng 10 không có dữ liệu, nguyên nhân do lỗi thiết bị đo.

Tất cả các thông số nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.



Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023



Chỉ số giá trị chất lượng môi trường không khí (AQI_d) khu vực huyện Đồng Phú trong năm 2023 như sau:

Chất lượng không khí	Khoảng giá trị AQI	Số ngày	Ảnh hưởng tới sức khỏe con người
Tốt	0 – 50	282	Chất lượng không khí tốt, không ảnh hưởng tới sức khỏe
Trung bình	51 – 100	47	Chất lượng không khí ở mức chấp nhận được. Tuy nhiên, đối với những người nhạy cảm (người già, trẻ em, người mắc các bệnh hô hấp, tim mạch...) có thể chịu những tác động nhất định tới sức khỏe.
Kém	101 – 150	23	Những người nhạy cảm gặp phải các vấn đề về sức khỏe, những người bình thường ít ảnh hưởng.
Xấu	151-200	0	Những người bình thường bắt đầu có các ảnh hưởng tới sức khỏe, nhóm người nhạy cảm có thể gặp những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng hơn.
Rất xấu	201-300	0	Cảnh báo hưởng tới sức khỏe: mọi người bị ảnh hưởng tới sức khỏe nghiêm trọng hơn.
Nguy hại	301-500	0	Cảnh báo khẩn cấp về sức khỏe: Toàn bộ dân số bị ảnh hưởng tới sức khỏe tới mức nghiêm trọng.

b. Trạm quan trắc tự động môi trường không khí khu vực thành phố Đồng Xoài

Vị trí đặt trạm quan trắc tự động không khí xung quanh thành phố Đồng Xoài tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, địa chỉ: phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

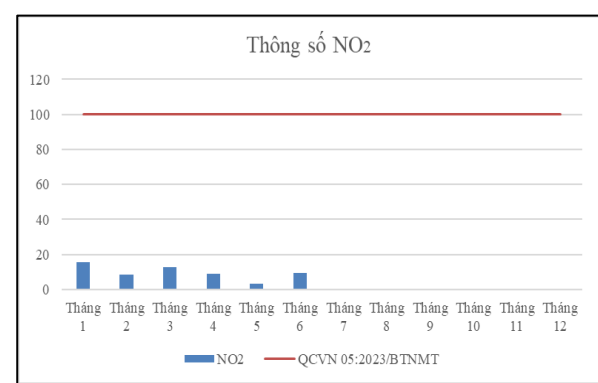
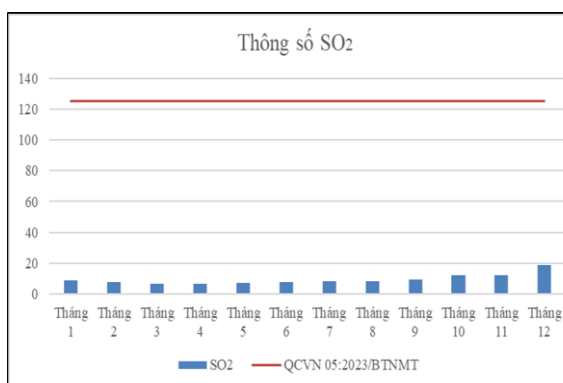
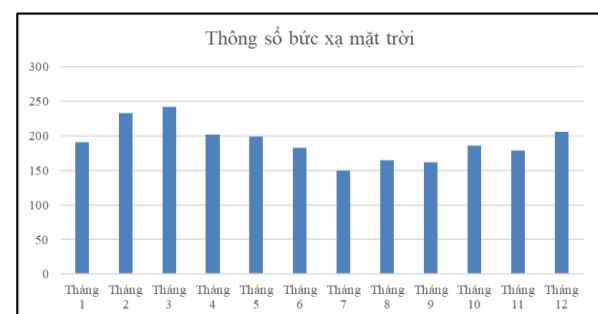
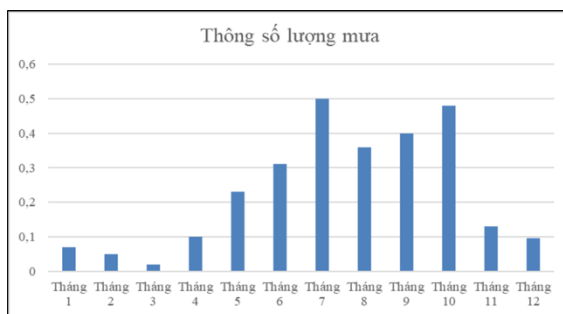
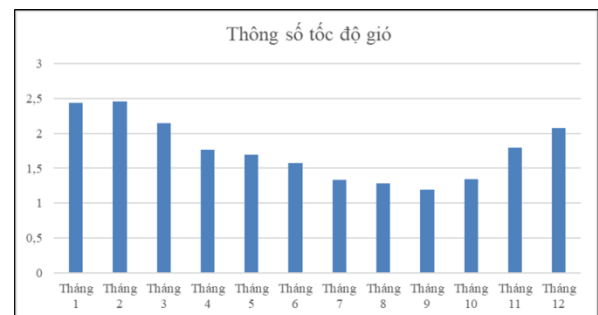
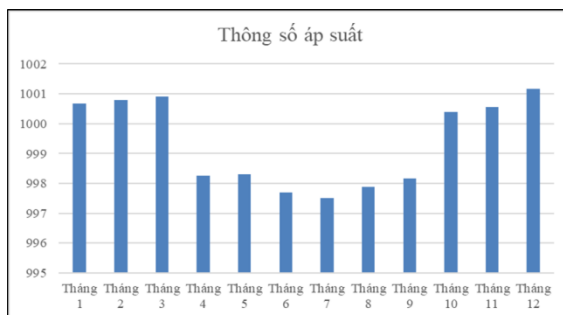
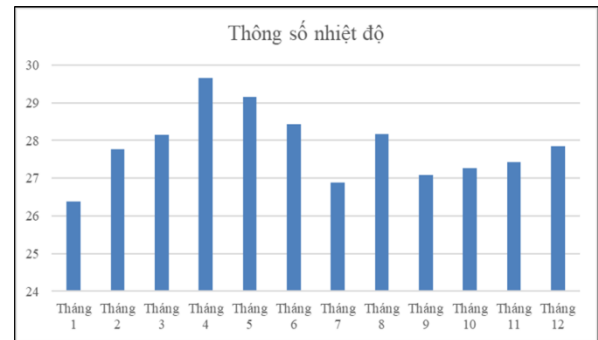
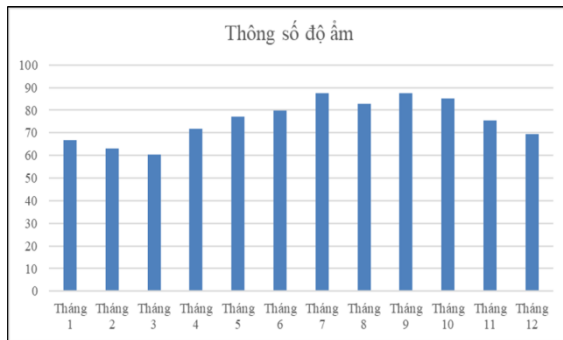
Kết quả quan trắc môi trường không khí tự động khu vực thành phố Đồng Xoài năm 2023 như sau: Độ ẩm: dao động từ 60,45 – 87,39 %rH, nhiệt độ: 26,38 – 29,65 °C, áp suất: 997,5 – 1001,15 hPa, lượng mưa: 0,02 – 0,5 mm, bức xạ mặt trời: 115,11 – 242,12 W/m², tốc độ gió: 1,19 – 2,46 km/h, hướng gió chính là hướng Đông và Đông Nam, SO₂: 6,27 – 18,64 µg/Nm³, NO₂: 3,44 – 15,66 µg/Nm³ (số liệu từ tháng 1 đến tháng 6), O₃: 75,63 – 110,63 µg/Nm³ (số liệu từ tháng 1 đến tháng 5), CO: 448,74 – 864,02 µg/Nm³. Riêng thông số bụi PM_{2,5}, PM₁₀, TSP, NO₂ (từ tháng 7 đến tháng 12) và O₃ (từ tháng 6 đến tháng 12) không có số liệu, nguyên nhân do lỗi thiết bị đo và kết nối.

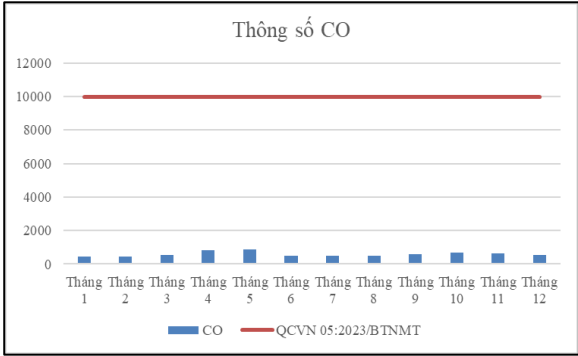
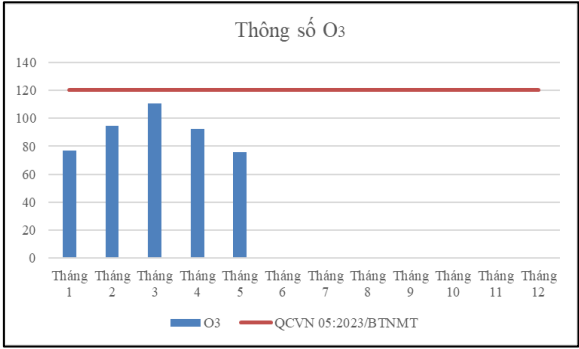
Tất cả các thông số nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Trong năm 2023 chỉ số AQI khu vực thành phố Đồng Xoài không đủ thông số để

Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

tính toán chất lượng không khí. Nguyên nhân do thiết bị phân tích thông số $PM_{2.5}$, PM_{10} , TSP, NO_2 , O_3 bị lỗi không có dữ liệu để tính toán.





c. Trạm quan trắc tự động môi trường không khí khu vực thị xã Chơn Thành

Vị trí đặt trạm quan trắc tự động không khí xung quanh khu vực thị xã Chơn Thành tại xã Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực thị xã Chơn Thành năm 2023 như sau: Độ ẩm: dao động từ 59,44 – 73,6 %rH, nhiệt độ: 26,89 – 30,41 °C, áp suất: 999,16 – 1002,48 hPa, lượng mưa: 0 – 0,07 mm, bức xạ mặt trời: 50,09 – 179,5 W/m², tốc độ gió: 1,77 – 3,7 km/h, hướng gió chính là hướng Đông Nam và Nam, bụi PM_{2.5}: 13,84 – 39,44 µg/Nm³, bụi PM₁₀: 22,05 – 62,4 µg/Nm³, bụi TSP: 31,13 – 88,51 µg/Nm³, SO₂: 7,36– 33,31 µg/Nm³, NO₂: 7,51 – 49,11 µg/Nm³, O₃: 82,39– 119,63 µg/Nm³, CO: 270,4 – 739,24 µg/Nm³. Riêng số liệu thông số độ ẩm, nhiệt độ, áp suất, lượng mưa bức xạ mặt trời, tốc độ gió, hướng gió, SO₂: từ tháng 7 đến tháng 11 và O₃: từ tháng 6 đến tháng 12 không có số liệu, nguyên nhân do lỗi thiết bị và kết nối.

Tất cả các thông số nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

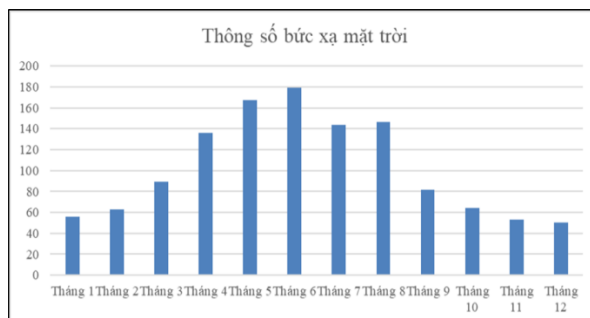
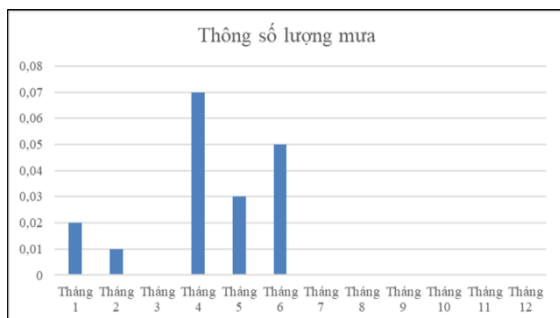
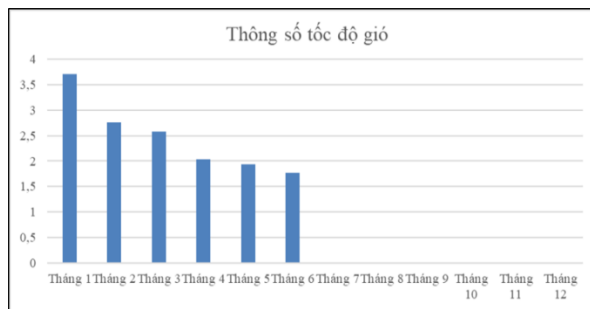
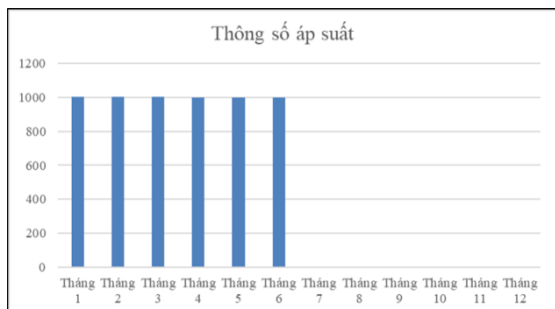
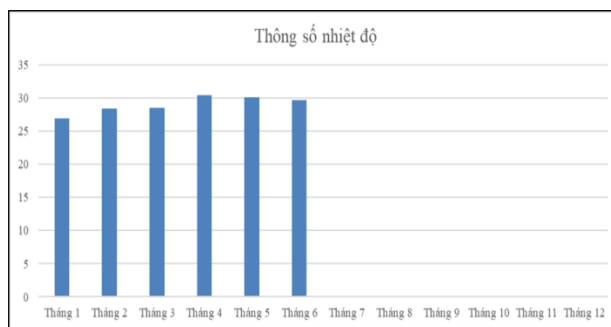
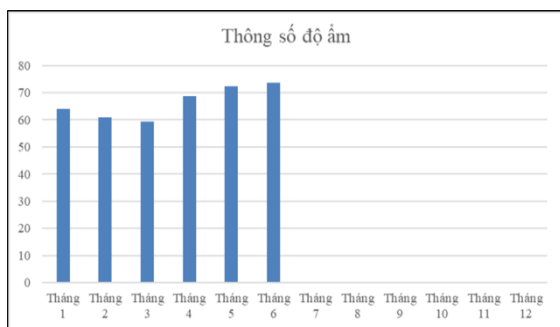
Chỉ số giá trị chất lượng môi trường không khí (AQI_d) khu vực thị xã Chơn Thành từ tháng 1 đến tháng 5 như sau:

Chất lượng không khí	Khoảng giá trị AQI	Số ngày	Ảnh hưởng tới sức khỏe con người
Tốt	0 – 50	22	Chất lượng không khí tốt, không ảnh hưởng tới sức khỏe
Trung bình	51 – 100	51	Chất lượng không khí ở mức chấp nhận được. Tuy nhiên, đối với những người nhạy cảm (người già, trẻ em, người mắc các bệnh hô hấp, tim mạch...) có thể chịu những tác động nhất định tới sức khỏe.
Kém	101 – 150	40	Những người nhạy cảm gặp phải các vấn đề về sức khỏe, những người bình thường ít ảnh hưởng.
Xấu	151-200	0	Những người bình thường bắt đầu có các

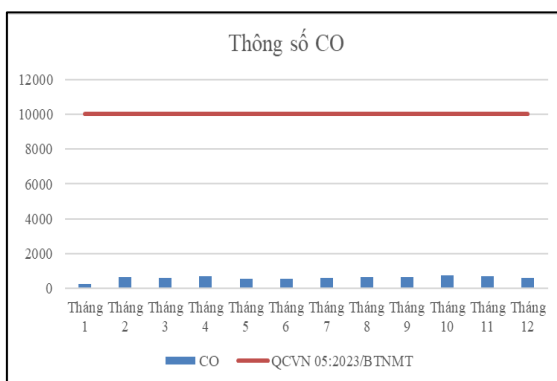
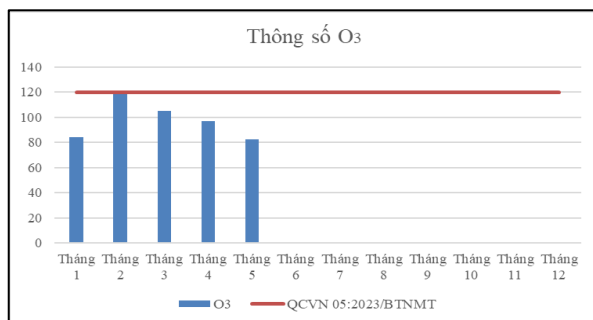
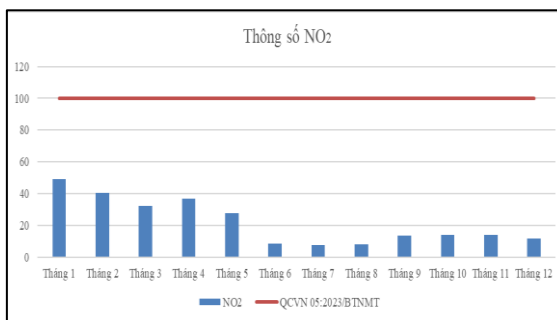
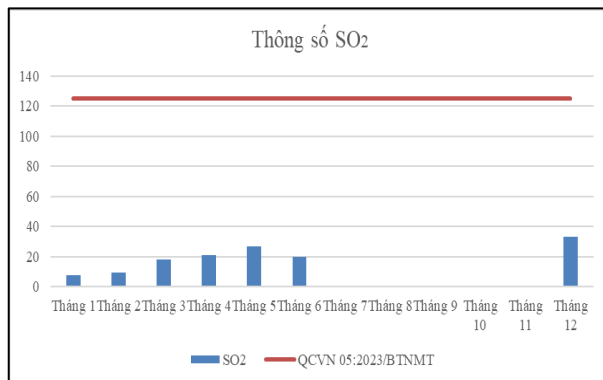
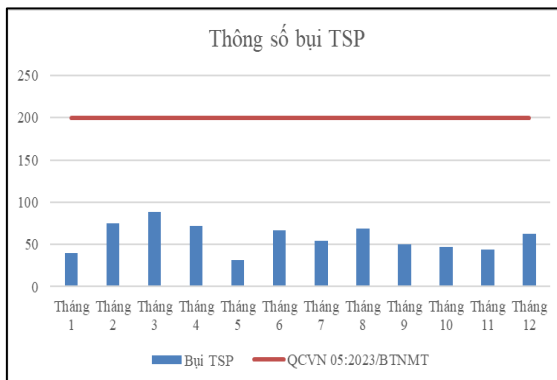
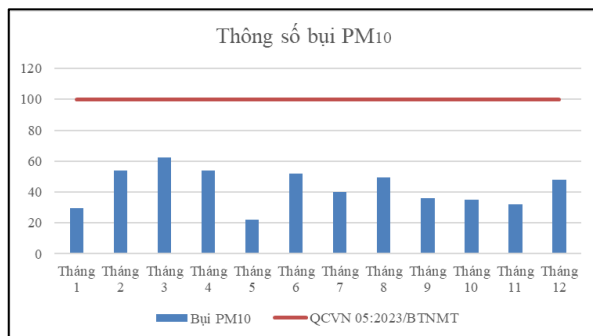
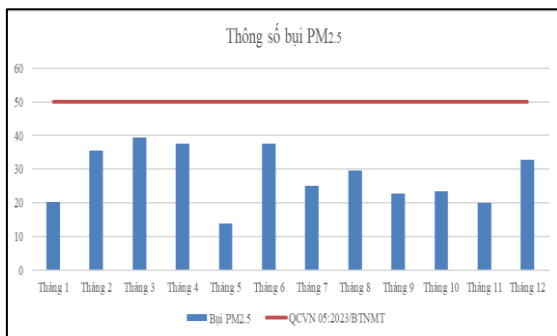
Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Chất lượng không khí	Khoảng giá trị AQI	Số ngày	Ảnh hưởng tới sức khỏe con người
			ảnh hưởng tới sức khỏe, nhóm người nhạy cảm có thể gặp những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng hơn.
Rất xấu	201-300	0	Cảnh báo hưởng tới sức khỏe: mọi người bị ảnh hưởng tới sức khỏe nghiêm trọng hơn.
Nguy hại	301-500	0	Cảnh báo khẩn cấp về sức khỏe: Toàn bộ dân số bị ảnh hưởng tới sức khỏe tới mức nghiêm trọng.

Ghi chú: Tổng số ngày truyền dữ liệu ổn định, đầy đủ các thông số để tính toán AQI_d từ tháng 1 đến tháng 5 như sau: Tháng 1: 31 ngày; Tháng 2: 28 ngày; Tháng 3: 31 ngày; Tháng 4: 21 ngày; Tháng 5: 2 ngày. Từ tháng 6 đến tháng 12: chỉ số O₃ không có số liệu để tính toán AQI_d.



Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023



2. Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt

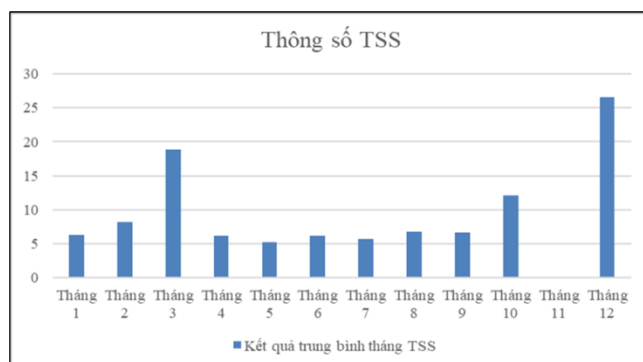
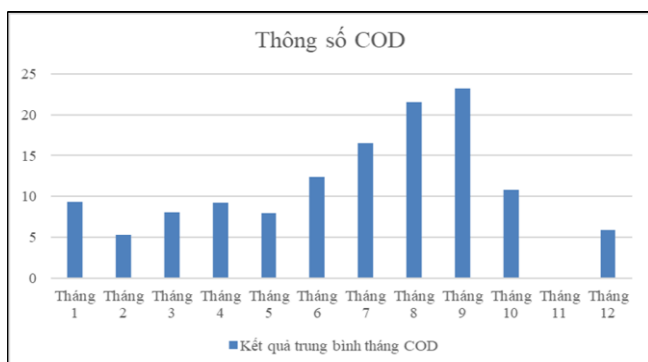
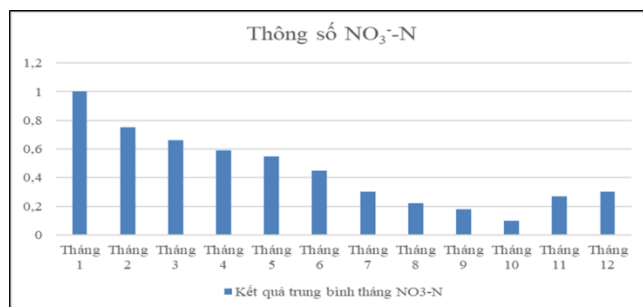
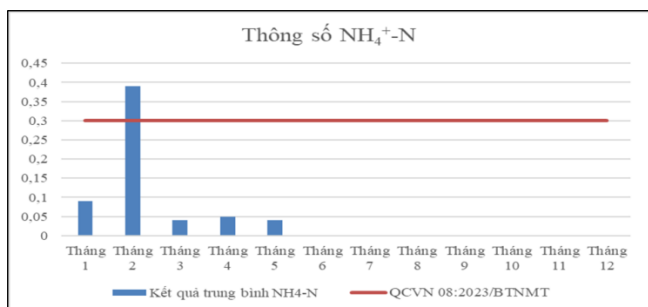
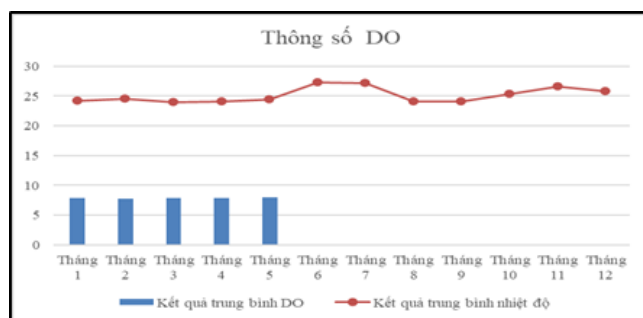
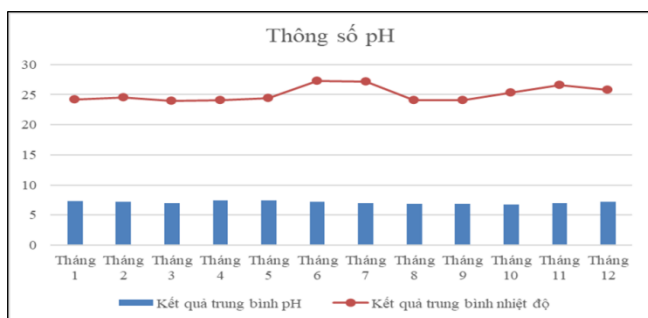
a. Trạm quan trắc môi trường nước mặt thượng nguồn sông Đồng Nai

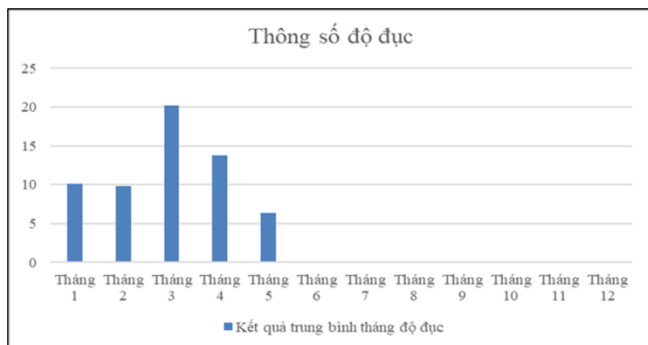
Vị trí đặt trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt thượng nguồn sông Đồng Nai đặt tại UBND xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, Bình Phước.

Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động thượng nguồn sông Đồng Nai năm 2023 như sau: Thông số pH dao động từ 6,78 – 7,43; Nitrat: 0,10 – 1,00 mg/l; COD: 5,26 – 23,17 mg/l; TSS: 5,18 – 26,56 mg/l, độ đục: 6,4 – 20,19 NTU (số liệu từ tháng 1 đến tháng 5); $\text{NH}_4^+\text{-N}$: 0,04 – 0,39 mg/l (số liệu từ tháng 1 đến tháng 5); DO: 7,75 – 7,98 mg/l (số liệu từ tháng 1 đến tháng 5). Riêng số liệu $\text{NH}_4^+\text{-N}$, DO và độ đục thì từ tháng 6 đến tháng 12 không có số liệu, nguyên nhân bị lỗi kết nối.

Các thông số quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo đánh giá chất lượng từ mức A đến mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Riêng chỉ tiêu COD ở mức C (≥ 4 mg/l) vào tháng 8, 9 theo QCVN 08:2023/BTNMT.





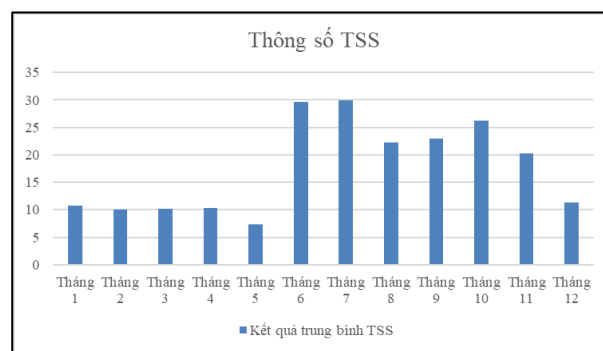
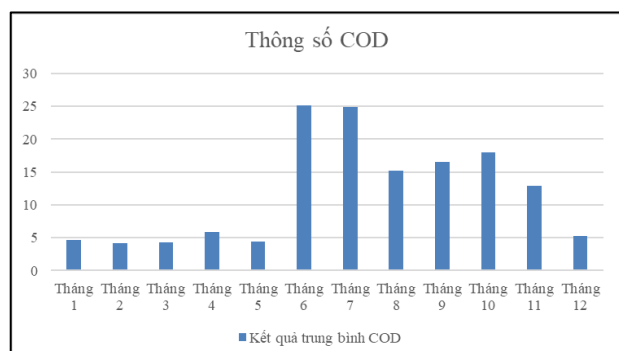
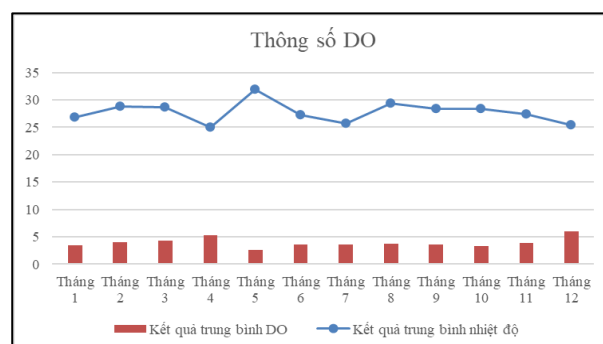
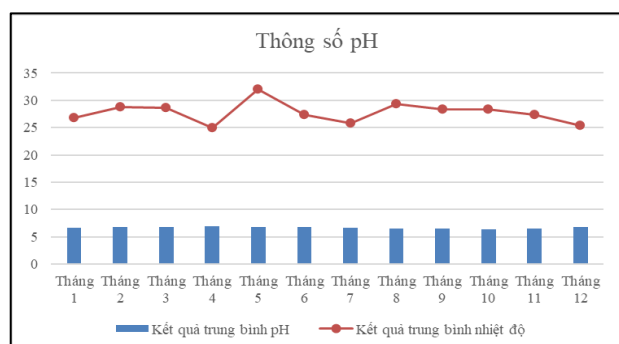
b. Trạm quan trắc môi trường nước mặt thượng nguồn sông Sài Gòn

Vị trí đặt trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động thượng nguồn Sài Gòn được đặt tại xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

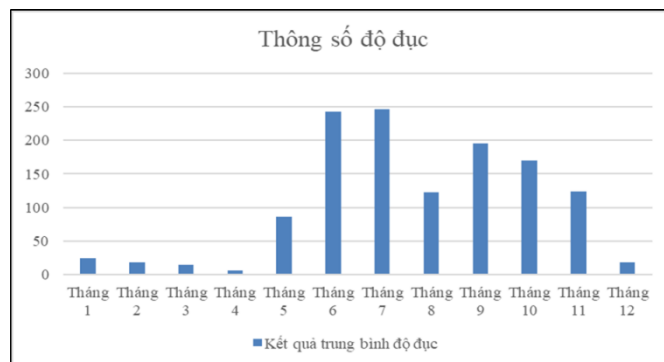
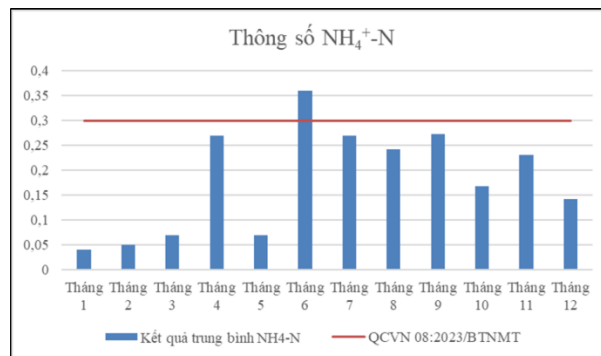
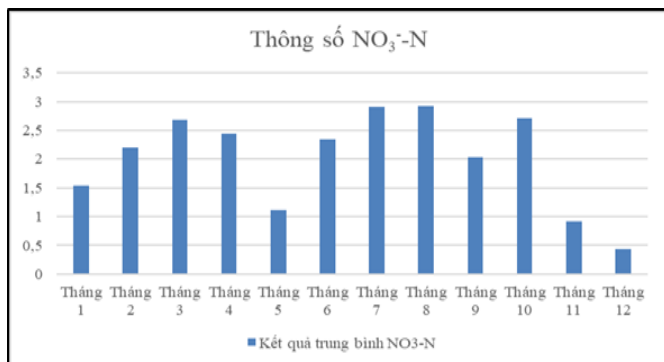
Kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động thượng nguồn sông Sài Gòn năm 2023 như sau:

Thông số pH trung bình tháng trong năm dao động từ 6,42 – 6,95; DO: 2,58 – 5,98 mg/l; NO_3^- -N: 0,44 – 2,92 mg/l; NH_4^+ -N: 0,04 – 0,36 mg/l; TSS: 7,32 – 29,93 mg/l; COD: 4,14 – 25,19 mg/l; Độ đục: 6,08 – 245,86 NTU.

Các thông số quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo đánh giá chất lượng nước từ mức A đến mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Ngoài chỉ tiêu DO: mức C (≥ 4 mg/l) tháng 2, mức D (≥ 2 mg/l) vào tháng 1, 5 và tháng 6; Chỉ tiêu COD: mức C (≤ 20 mg/l) vào tháng 8 đến tháng 10, mức D (> 20 mg/l) vào tháng 6, 7 theo QCVN 08:2023/BTNMT.



Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023



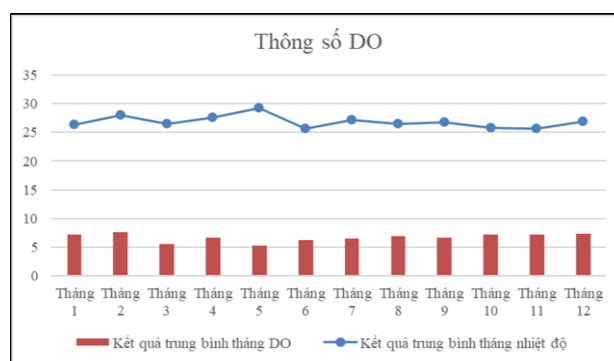
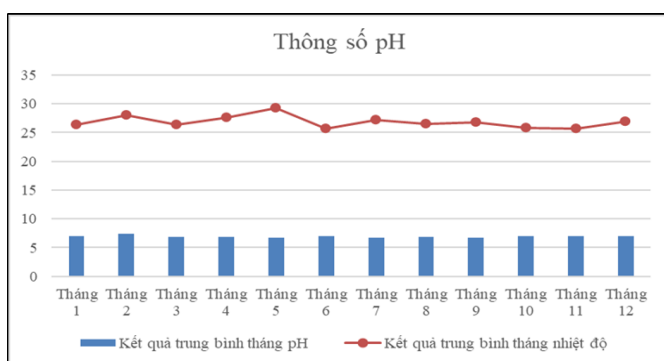
c. Trạm quan trắc môi trường nước mặt thượng nguồn Sông Bé

Vị trí đặt trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động thượng nguồn Sông Bé được đặt tại phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

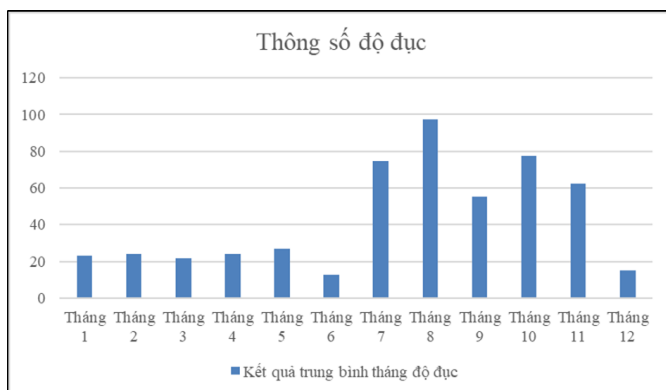
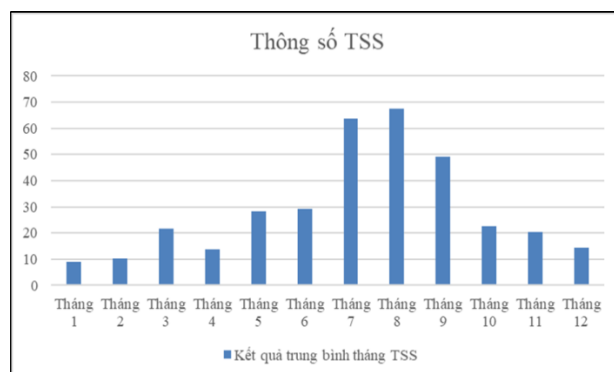
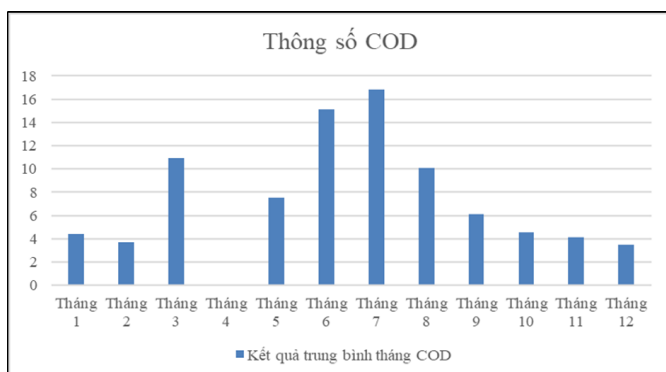
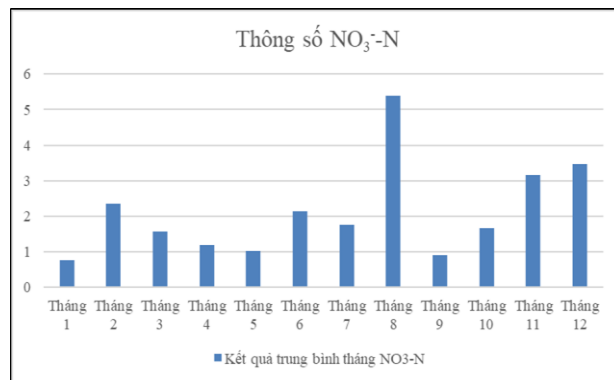
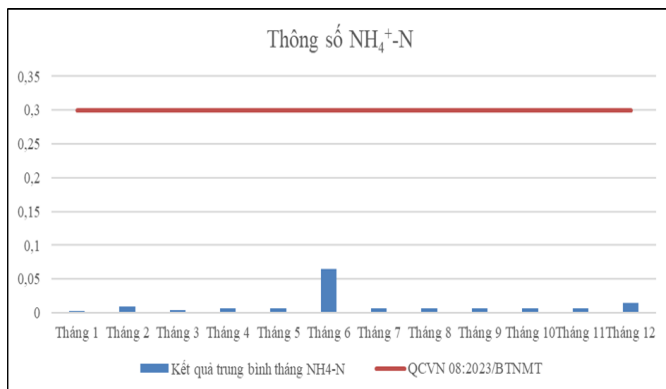
Kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động thượng nguồn sông Bé năm 2023 như sau:

Thông số pH: 6,73 – 7,37; DO: 5,23 – 7,57 mg/l; NO_3^- -N: 0,76 – 5,40 mg/l; NH_4^+ -N: 0,02 – 0,06 mg/l; TSS: 8,97 – 67,34 mg/l; COD: 3,47 – 16,8 mg/l; Độ đục: 12,8 – 97,24 NTU.

Các thông số quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo đánh giá chất lượng nước từ mức A đến mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Ngoài chỉ tiêu COD: mức C (≤ 20 mg/l) vào tháng 6 theo QCVN 08:2023/BTNMT.



Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023



d. Trạm quan trắc môi trường nước mặt khu vực hồ Đồng Xoài

Vị trí đặt trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động hồ Đồng Xoài được đặt tại ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

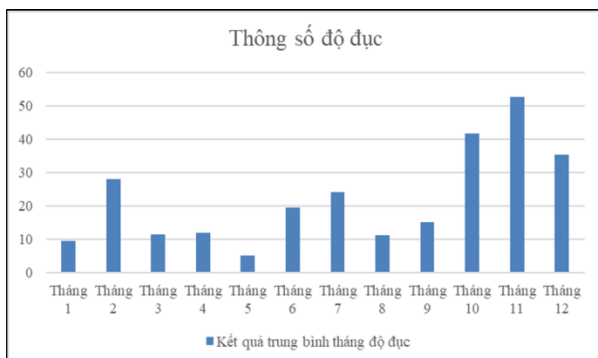
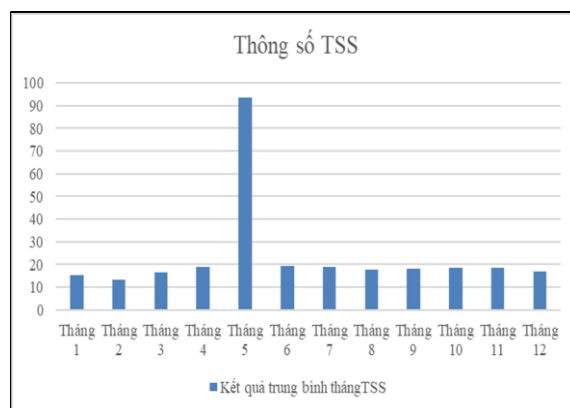
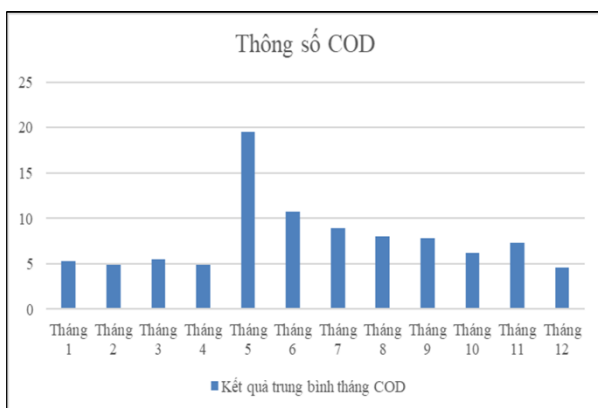
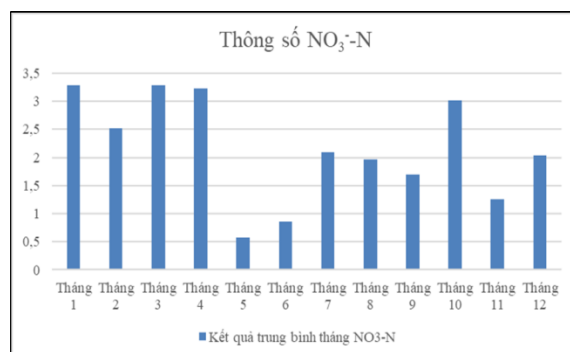
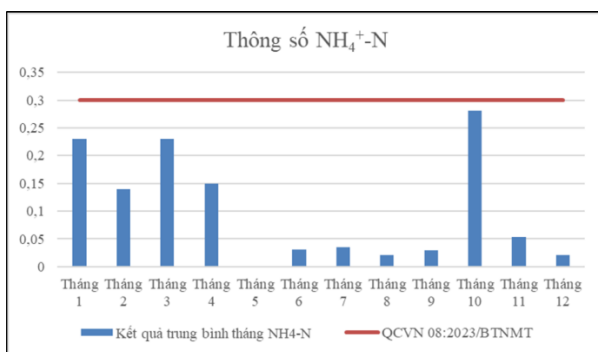
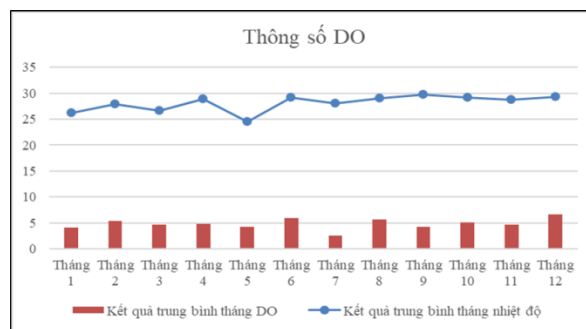
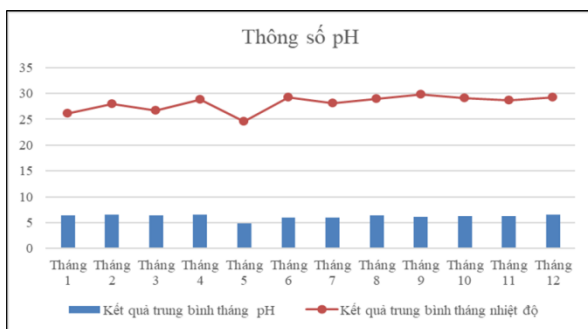
Kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động hồ Đồng Xoài năm 2023 như sau:

Thông số pH dao động từ 4,81 – 6,56; DO: 2,53 – 6,61 mg/l; $\text{NO}_3^-\text{-N}$: 0,58 – 3,28 mg/l; $\text{NH}_4^+\text{-N}$: 0,02 – 0,28 mg/l; TSS: 13,12 – 93,77 mg/l; COD: 4,56 – 19,52 mg/l; Độ đục: 5,22 – 52,52 NTU.

Các thông số quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo đánh giá chất lượng nước từ mức A đến mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Ngoài chỉ tiêu COD: mức C (≤ 20 mg/l) vào tháng 5; TSS: mức C (> 15 mg/l và không có rác nổi) từ tháng 5 đến tháng 12; Chỉ tiêu DO: mức C (≥ 4 mg/l) vào tháng 1, 3, 4, 5, 9 và tháng 11, mức D (≥ 2 mg/l) vào tháng

Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

7 theo QCVN 08:2023/BTNMT.



e. Trạm quan trắc môi trường nước mặt khu vực hồ Suối Giai

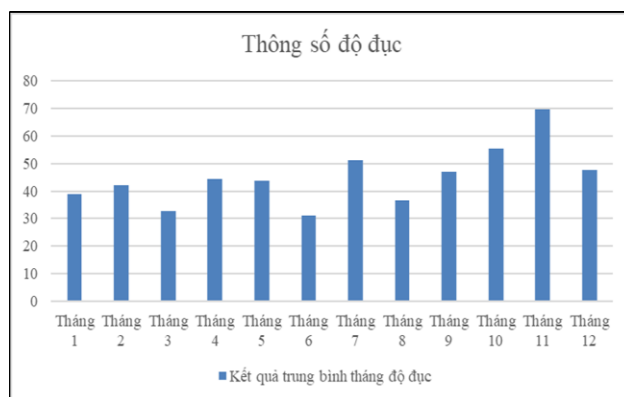
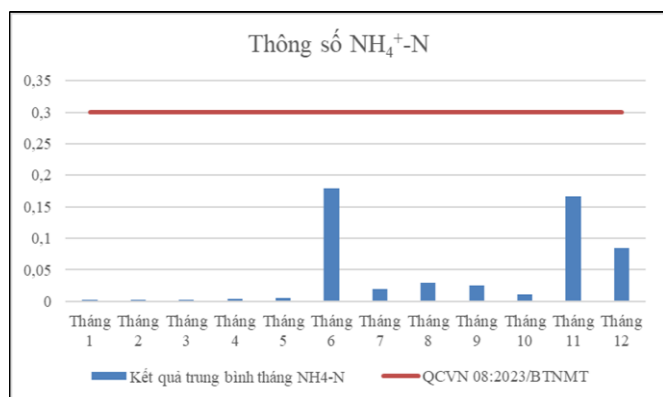
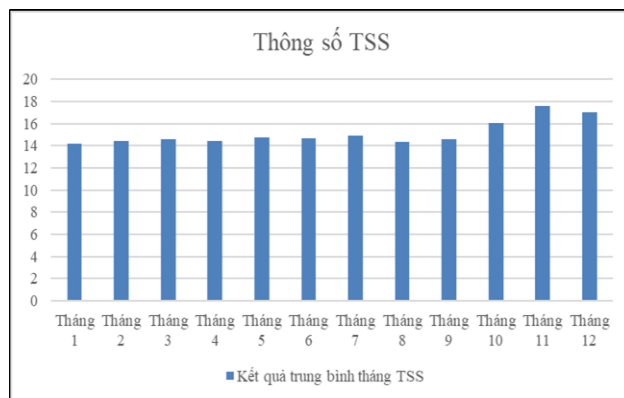
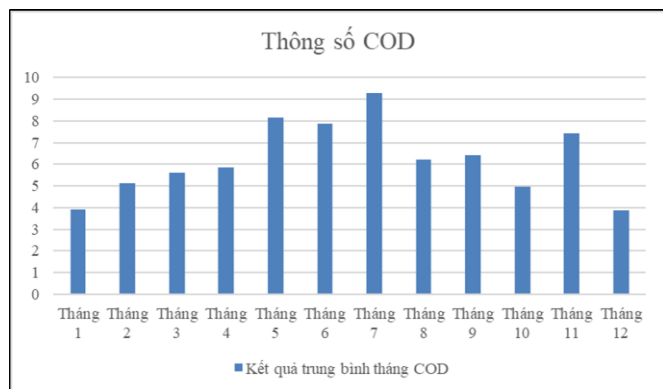
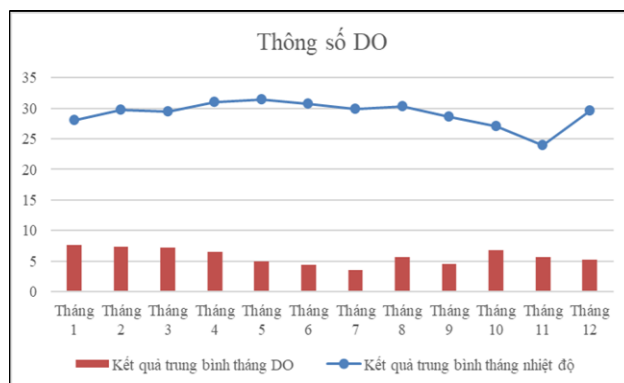
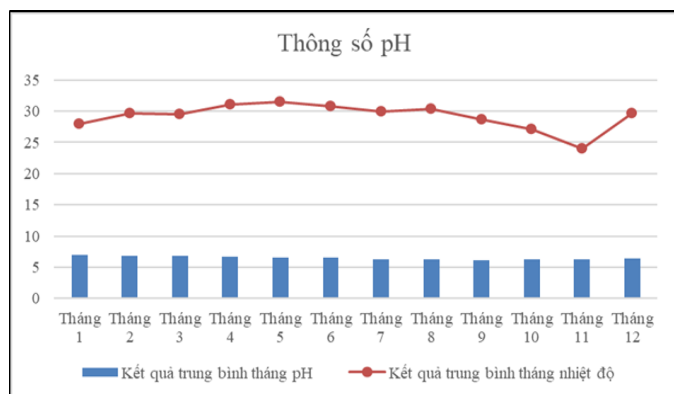
Vị trí đặt trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động hồ Suối Giai được đặt tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động hồ Suối Giai năm 2023 như sau:

Báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Thông số pH dao động từ 6,07 – 6,92; DO: 3,58 – 7,56 mg/l; $\text{NH}_4^+\text{-N}$: 0,00 – 0,18 mg/l; TSS: 14,21 – 17,56 mg/l; COD: 3,88 – 9,28 mg/l; Độ đục: 31,21 – 69,65 NTU. Riêng chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ không có số liệu, nguyên nhân do hết hóa chất.

Các thông số quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo đánh giá chất lượng nước từ mức A đến mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Ngoài chỉ tiêu TSS: mức C (>15 mg/l và không có rác nổi) từ tháng 3 đến tháng 12; Chỉ tiêu DO: mức C (≥ 4 mg/l) vào tháng 5, 6, 9, mức D (≥ 2 mg/l) vào tháng 7 theo quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT.



III. Kết luận

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho thấy chất lượng các thành phần trong môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, đất tương đối tốt. Đối với nước mặt một số điểm tiếp nhận nước thải từ các khu

công nghiệp, các nhà máy sản xuất công nghiệp, gần chợ, khu dân cư... đang có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ cần các biện pháp xử lý trong tương lai.

Trong các năm quan trắc tiếp theo, tiếp tục theo dõi diễn biến các thông số đặc trưng cho chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, đất để có kết luận chính xác nhằm kiểm soát kịp thời các nguồn ô nhiễm và đề ra các biện pháp xử lý giảm thiểu tác động đến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả quan trắc đánh giá, diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước và số liệu các trạm quan trắc tự động nước mặt, không khí năm 2023.